TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 -3- 2018.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu;
2. Ông Võ Hồng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 907/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thái Thị Mỹ H**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số o, ấp TL, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số m hẻm b ấp TH, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Chị H, anh H1 có mặt tại tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 03 tháng10 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thái Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh H1 tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng với nhau năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh vào ngày 25/02/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm. Nguyên nhân do: Anh H1 không tin tưởng chị, hay nghi nghờ, ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh chị, có thái độ không

tôn trọng mẹ vợ. Chị đã nộp đơn ly hôn với anh H1, được Tòa án hòa giải nên đoàn tụ vợ chồng (Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đoàn tụ thành số 14/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017). Tuy nhiên, sau khi về đoàn tụ, anh chị vẫn thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, nhưng anh H1 vẫn đến nhà mẹ ruột chị đánh chị và mẹ ruột chị. Anh chị ly thân nhau từ tháng 11/2017. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa an giải quyết cho chị ly hôn với anh H1.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Hiền D, sinh ngày 22/01/2013. Cháu D hiện đang sống với anh H1.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh H1. Về con chung: chị H đồng ý giao cháu D cho anh H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu D trưởng thành.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2012. Đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh vào ngày 25/02/2013. Vợ chồng sống hạnh phúc, đôi khi có xảy ra cãi vã nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Anh xác nhận chị H đã từng nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án hòa giải đoàn tụ, nhưng sau đó chị H vẫn không về chung sống với anh mà về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Do anh nghe thông tin chị H có quan hệ tình cảm với người khác nên anh nhắn tin cảnh cáo chị H và trong lúc uống rượu say thì anh có đánh chị H và mẹ chị H. Vợ chồng anh ly thân từ tháng 11/2017. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị H vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Hiền D, sinh ngày 22/01/2013. Cháu D hiện đang sống với anh H1. Tại phiên tòa, anh đồng ý việc chị H giao cháu D cho anh trực tiếp nuôi đưỡng và cấp dưỡng cho cháu D 1.000.000 đồng/ tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 110; 116, 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thái Thị Mỹ H đối với anh Nguyễn Văn H1; về con chung: ghi nhận anh H1, chị H thống nhất giao cháu D cho anh H1 nuôi dưỡng và chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu D thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị H phải chịu án phí hôn nhân và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Thái Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung. Quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu ly hôn, anh H1 không đồng ý ly hôn, có yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết vụ án " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

[2] Về nội dung: Chị Thái Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn H1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống vợ chồng vào năm 2012, đến ngày 25/3/2013 thì anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy: Chị H xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị không thể hàn gắn được vì phát sinh quá nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài; riêng anh H1 xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành động viên hòa giải và cho thời gian để anh chị có cơ hội hàn gắn nhưng anh chị vẫn không thực hiện được, mỗi người vẫn sống riêng; bản thân anh H1 không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng sau khi vợ chồng về đoàn tụ. Mặc khác, trong thời gian ly thân anh H1 có hành vi đánh chị H và mẹ chị H do nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người khác. Do đó, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H1 không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; anh chị không sống chung một thời gian dài nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thái Thị Mỹ H với anh Nguyễn Văn H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Hiền D, sinh ngày 22/01/2013. Cháu D hiện đang sống với anh H1.

Chị H, anh H1 thống nhất giao cháu D cho anh H1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D 1.000.000 đồng/ tháng được anh H1 đồng ý. Xét chị H không trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng tự nguyện cấp dưỡng cho cháu D là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con

trẻ, việc cấp dưỡng được thực hiện cho đến khi cháu D đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với Điều 110; 116 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tình tiết, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Thái Thị Mỹ H phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 110; 116; 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5, và Điểm b, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị Mỹ H với anh Nguyễn Văn H1.

Chị Thái Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1; chị H và anh H1 không còn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

[2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Hiền D, sinh ngày 22/01/2013.

Giao cháu Nguyễn Thị Hiền D cho anh Nguyễn Văn H1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D 1.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Văn H1 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Thái Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm; Chị H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004968 ngày 28/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị H còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

[5]. Chị H, anh H1 được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tiếp theo ngày tuyên án.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng KT-NV TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND thành phố Tây Ninh;
-CCTHADS thành phố Tây Ninh;
-Các đương sự;
- Nơi cấp chứng nhận kết hôn;
-Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Trang